

Số: **3822**/TT- UBND

Triệu Sơn, ngày **16** tháng **12** năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Triệu Sơn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn.

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ công văn số 3879/STNMT- CSĐĐ ngày 08/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020; danh mục chuyên mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ;

Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Triệu Sơn với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình kèm theo tờ trình gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020;
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2020.
- Trích vị trí, ranh giới, diện tích các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019.

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019:

Thực hiện Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Triệu Sơn. Tổng diện tích tự nhiên được phê duyệt là 29.004,53 ha, kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019 theo Biểu 02/CH ta thấy :

2.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2019 của huyện đã được phê duyệt là 18.693,35 ha, thực hiện đến năm 2019 là 19.134,37ha, đạt 102,36%, tăng 441,02 ha.

** Cụ thể một số loại đất chính đạt được như sau:*

- Đất trồng lúa: Thực hiện được 11.382,79 ha, so với kế hoạch được duyệt (11.162,42 ha) phần diện tích chưa thực hiện được là 220,37 ha.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước có 10.665,29 ha, so với kế hoạch được duyệt năm 2019 (10.748,14 ha), phần diện tích chưa thực hiện được là 82,85 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Thực hiện được 960,56 ha, so với kế hoạch được duyệt (951,34 ha) phần diện tích chưa thực hiện được là 9,21 ha. Nguyên nhân do chưa thực hiện hết các công trình, dự án lấy vào đất trồng cây hàng năm khác.

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2019 thực hiện được 1.199,65 ha, phần diện tích chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt (1.202,60 ha) là 2,95 ha chủ yếu do chưa thực hiện được công trình quy hoạch đất trồng cây lâu năm tại xã Thọ Dân và xã Thọ Phú.

- Đất rừng phòng hộ: Kết quả thực hiện năm 2019 là 1.095,57 ha, cao hơn so với kế hoạch được duyệt (1.092,57 ha) là 3,00 ha. Kết quả thực hiện đất rừng phòng hộ không thay đổi so với hiện trạng năm 2018 do trong năm 2019 huyện không thực hiện công trình, dự án nào sử dụng vào đất rừng phòng hộ.

- Đất rừng sản xuất: Thực hiện được 3.778,13 ha, phần diện tích chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt (3.519,28 ha) là 258,85 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Thực hiện được 541,15 ha, phần diện tích chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt (542,87 ha) là 1,72 ha, chủ yếu do chưa thực hiện dự án Quy hoạch thủy sản hồ thôn 2 xã Thọ Tân.

- Đất nông nghiệp khác: Thực hiện được 176,53 ha, phần diện tích chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt (222,27 ha) là 45,74 ha, chủ yếu do năm 2019 chưa thực hiện các công trình đất nông nghiệp khác được duyệt.

2.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đến năm 2019 của huyện đã được phê duyệt là 10.009,19 ha, thực hiện trong năm 2019 là 9.563,29 ha (chỉ đạt 95,55%) thấp hơn 445,90 ha so với chỉ tiêu.

** Cụ thể một số loại đất chính đạt được như sau:*

- Đất quốc phòng: Thực hiện 120,01 ha, đạt 36,97% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (324,65 ha) chủ yếu do trong năm 2019 chưa thực hiện được các công trình Trường bắn tổng hợp tại xã Vân Sơn, xã Thái Hòa.

- Đất an ninh: Giữ nguyên hiện trạng 0,61 ha, đạt 100,00% kế hoạch được duyệt, do trong năm kế hoạch diện tích đất an ninh không biến động.

- Đất cụm công nghiệp: Thực hiện 0,57 ha, đạt 5,95% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (9,57 ha) do trong năm 2019 chưa thực hiện dự án Mở rộng cụm công nghiệp huyện tại xã Dân Lực.

- Đất thương mại - dịch vụ: Thực hiện 19,51 ha, đạt 44,75%, thấp hơn 24,09 ha so với kế hoạch được duyệt (43,60 ha).

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Thực hiện 168,87 ha, đạt 81,85% thấp hơn 37,44 ha so kế hoạch được duyệt (206,31 ha).

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Thực hiện 457,61 ha, đạt 97,32% thấp hơn 12,58 ha so kế hoạch được duyệt (470,19 ha).

- Đất phát triển hạ tầng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Thực hiện 2.750,30 ha, phần diện tích chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt (2.744,39 ha) là 5,91 ha. Trong năm 2019 huyện hoàn thành thực hiện nhiều dự án trọng điểm, diện tích lớn như: Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ cảng

hàng không đi khu kinh tế Nghi Sơn; Đường nối tỉnh lộ 514 xã Minh Dân đi Quốc lộ 47 Xã Dân Quyền; Đường cao tốc Bắc Nam, Khu trung tâm thể thao xã An Nông, quy hoạch sân thể thao xã Thọ Cường,... Một số dự án chưa thực hiện chuyển tiếp sang thực hiện năm 2020 như: Bến xe Hào Hương; Tỉnh lộ 514 đi 47C (bao gồm tuyến 1, tuyến 2, tuyến 3); Trường Tiểu học Thị trấn; Mở rộng sân thể thao xã Nông Trường,...

- Đất có di tích, lịch sử - văn hóa: Thực hiện 12,26 ha, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất bãi thải, xử lý rác thải: Thực hiện 4,28 ha, đạt 89,44% thấp hơn 0,51 ha so kế hoạch được duyệt (4,79 ha).

- Đất ở tại nông thôn: Thực hiện được 4.958,08 ha, đạt 98,40% thấp hơn 80,63 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2019 (5.038,71 ha).

- Đất ở tại đô thị: Thực hiện được 29,75 ha, đạt 103,80 % cao hơn 1,09 ha so với kế hoạch được duyệt năm 2019 (28,66 ha).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Thực hiện được 22,71 ha, đạt 107,15% cao hơn 1,52 ha so với kế hoạch được duyệt (21,19 ha).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Thực hiện được 2,17 ha, thấp hơn 0,26 ha so với kế hoạch được duyệt (2,43 ha).

- Đất cơ sở tôn giáo: Thực hiện được 6,36 ha, cao hơn 1,04 ha so với kế hoạch được duyệt (5,32 ha).

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Thực hiện được 212,79 ha, thấp hơn 65,22 ha so với kế hoạch được duyệt (278,01 ha).

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Thực hiện được 16,64 ha, đạt 107,91%, cao hơn 1,22 ha so với kế hoạch duyệt (15,42 ha).

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Thực hiện được 27,62 ha, đạt 92,69% thấp hơn 2,18 ha so với kế hoạch được duyệt (29,80 ha).

- Đất cơ sở tín ngưỡng: giữ nguyên hiện trạng 10,57 ha, đạt 92,15% thấp hơn 0,90 ha so với kế hoạch được duyệt (11,47 ha).

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Thực hiện được 352,22 ha, cơ bản đảm bảo so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (352,20 ha).

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Thực hiện được 390,16 ha, đạt 95,63% thấp hơn 17,84 ha so với kế hoạch được duyệt (408,00 ha).

- Đất phi nông nghiệp khác: Thực hiện được 0,20 ha, thấp hơn 1,41 ha so với kế hoạch được duyệt (1,61 ha).

2.3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng thực hiện năm 2019 còn 306,86 ha, phần diện tích chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt (301,99 ha) là 4,87 ha. Nguyên nhân do chưa thực hiện được các dự án lấy đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng theo Kế hoạch được duyệt: Trang trại tổng hợp xã Đồng Thắng; Quy hoạch thủy sản hồ thôn 2 xã Thọ Tân; Dự án khai thác khoáng sản xã Đồng Thắng...

3. Các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2020:

3.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng diện tích		29.004,53
1	Đất nông nghiệp	NNP	18.622,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10.083,13
3	Đất chưa sử dụng	CSD	299,37

(Có Biểu 06/CH chi tiết kèm theo)

3.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	514,30
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NN/NN	3,20
3	Chuyển đổi nội bộ đất phi nông nghiệp	PKO/OTC	2,40

(Có Biểu 07/CH chi tiết kèm theo).

3.3. Kế hoạch thu hồi đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		428,34
1	Đất nông nghiệp	NNP	410,23
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	18,11

(Có Biểu 08/CH chi tiết kèm theo).

3.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		7,50
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,22
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7,28

(Có Biểu 09/CH chi tiết kèm theo).

4. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Triệu Sơn

4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

* Các biện pháp nhằm chống xói mòn, rửa trôi, hủy hoại đất

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện đất dốc là điều bắt buộc trong sử dụng đất nông nghiệp. Hạn chế cày, xới bề mặt đất (nhất là trong thời gian mùa mưa), khai thác trắng.

- Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp, mạnh dạn chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp theo công nghệ sinh học và giám sát chặt chẽ việc sử dụng chất thải công nghiệp độc hại trước khi thải ra môi trường chung quanh không ảnh hưởng tới môi trường đất và môi trường sống của nhân dân.

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.

** Các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất*

- Xác định ranh giới và công khai diện tích trồng lúa của các xã. Khoanh định ranh giới diện tích trồng lúa có chất lượng cần được bảo vệ nghiêm ngặt, hạn chế tối đa việc chuyển đất lúa sang các mục đích khác.

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ đầu nguồn. Khuyến khích trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, đẩy mạnh phong trào trồng cây nhân dân để nâng cao độ che phủ về rừng.

- Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thủy lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ,...

- Giao đất theo kế hoạch, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời.

** Biện pháp nhằm đẩy nhanh đưa đất trống đồi núi trọc vào sử dụng*

- Giao đất cụ thể đến người sử dụng nhất là đối với những diện tích do UBND xã, thị trấn quản lý hoặc giao cho ngành chủ quản.

- Phát triển cơ sở hạ tầng đến địa bàn đất còn trống.

**Giải pháp bảo vệ môi trường:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý thông qua các hình thức như: Phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, thường xuyên tổ chức, tập huấn, hội thảo, thi tìm hiểu... về công tác bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển tiêu thụ công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, nghiên cứu và áp dụng phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế, chính sách, đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

- Áp dụng các biện pháp kinh tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm nguyên tắc "người gây ô nhiễm, thiệt hại đối với môi trường phải bồi thường, khắc phục".

- Các giải pháp bảo vệ môi trường đất: từ khâu quy hoạch và tổ chức thực hiện đến các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững cùng các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất phù hợp đối với từng khu vực, từng địa phương.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường nước: hạn chế nguồn thải từ các khu tiểu thủ công nghiệp, chợ, khu dân cư nông thôn, đô thị... vào môi trường nước. Thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, từng bước đưa chúng trở thành các khu sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường.

4.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các ngành tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến các xã và thị trấn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt.

- Tăng cường công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Rà soát quỹ đất thu hồi, đất giao có thu tiền, đấu giá quyền sử dụng đất thu tiền một lần... Đặc biệt là các khu đất có thể đấu giá lấy kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng.

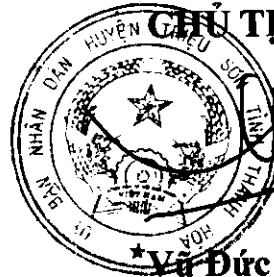
- Tăng cường công tác Thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Triệu Sơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các ngành cấp tỉnh
- Chủ tịch UBND huyện (báo cáo);
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



*** Vũ Đức Kính**

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
				Xã Tân Ninh	Xã Tân Nông	Xã Tiến Hòa	Xã Thọ Bình	Xã Thọ Cường	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Ngọc	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Sơn	Xã Thọ Tân	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Thế	Xã Thọ Vực	Xã Triệu Thành	Xã Văn Sơn	Xã Xuân Lạc	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thọ
(1)	(2)	(3)	(4)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)
	Tổng diện tích tự nhiên		427,34	59,13	1,03	109,07	0,41	1,40	0,60	2,61		6,48	2,14	15,01	4,28	5,15	1,59	84,70	1,45	3,65	1,79
1	Đất nông nghiệp	NNP	409,23	59,13	1,03	108,84	0,20	1,40	0,60	2,61		3,47	2,14	9,57	4,28	5,15	1,59	83,63	1,45	3,54	1,79
1.1	Đất trồng lúa.	LUA	205,93	58,94	1,03	6,77	0,20	1,40	0,60	2,49		2,11	1,62	3,43	3,83	5,15	1,37	1,83	1,45	3,34	1,79
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	205,51	58,94	1,03	6,77	0,20	1,40	0,60	2,49		2,11	1,62	3,43	3,83	5,15	1,37	1,83	1,45	2,92	1,79
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5,23			1,23						0,33		1,26			0,22	0,03			0,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,34			0,60						0,93		2,40	0,22			0,96			
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	183,70			100,00							0,52	2,16				80,00			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,93	0,19		0,24				0,12		0,10		0,32	0,23			0,81			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,10																		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	18,11			0,23	0,21					3,01		5,44				1,07		0,11	
2.1	Đất quốc phòng	CQP																			
2.2	Đất an ninh	CAN																			
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																			
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																			
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,21				0,21														
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																			
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1,46																		
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,14																		
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT																			

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
				Xã Tân Ninh	Xã Tiên Nông	Xã Thái Hòa	Xã Thọ Bình	Xã Thọ Cường	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Ngọc	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Sơn	Xã Thọ Tân	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Thế	Xã Thọ Vực	Xã Triệu Thành	Xã Văn Sơn	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thọ
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	0,18																		
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,48																		
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT																			
2.11	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL																			
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA																			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	15,41			0,23				3,01		5,44					1,07				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT																			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,15																		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN																			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON																			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD																			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																			
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,11																	0,11	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV																			
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN																			
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																			
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,77																		
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																			

KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2020 HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
				TT Triệu Sơn	Xã An Nông	Xã Bình Sơn	Xã Dân Lực	Xã Dân Lý	Xã Dân Quyền	Xã Đồng Lợi	Xã Đồng Tiến	Xã Đồng Thắng	Xã Hợp Lý	Xã Hợp Tiến	Xã Hợp Thành	Xã Hợp Thắng	Xã Khuynh Nông	Xã Minh Châu	Xã Minh Dân	Xã Minh Sơn	Xã Nông Trường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
	Tổng diện tích tự nhiên		7.50																		
1	Đất nông nghiệp	NNP	0.22									0.20									
1.1	Đất trồng lúa	LUA																			
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC																			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK																			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																			
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0.02																		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0.20									0.20									
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.28	0.30			0.02				0.10	5.00	0.54								
2.1	Đất quốc phòng	CQP																			
2.2	Đất an ninh	CAN																			
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																			
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0.02				0.02														
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																			
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	5.00									5.00									
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.86										0.54								
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH																			

KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2020 HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				TT Triệu Sơn	Xã An Nông	Xã Bình Sơn	Xã Đào Lý	Xã Dân Lý	Xã Dân Quyền	Xã Đông Lợi	Xã Đông Tiến	Xã Đông Thành	Xã Hợp Lý	Xã Hợp Tiến	Xã Hợp Thành	Xã Hợp Thành	Xã Khuỷa Nông	Xã Minh Châu	Xã Minh Dân	Xã Minh Sơn
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT																		
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD																		
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT																		
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT																		
2.11	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL																		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA																		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,10							0,10										
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT																		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC																		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN																		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON																		
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,30	0,30																
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																		
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH																		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV																		
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN																		
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																		
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																		

KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2020 HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Tờ trình số: /TTT-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																		
				Xã Tân Ninh	Xã Tân Nông	Xã Thái Hòa	Xã Bình Cường	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Ngọc	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Sơn	Xã Thọ Tân	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Thế	Xã Thọ Vực	Xã Triệu Thành	Xã Văn Sơn	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thọ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	
	Tổng diện tích tự nhiên		7.50										0.02									
1	Đất nông nghiệp	NNP	0.22																			
1.1	Đất trồng lúa	LUA																				
	Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước	LUC																				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK																				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0.02										0.02									
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0.20																			
2	Đất phi nông nghiệp	FNN	7.28	0.09																		
2.1	Đất quốc phòng	CQP																				
2.2	Đất an ninh	CAN																				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0.02																			
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																				
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	5.00																			
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.86	0.09																		
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH																				

